

Kinh tế Việt Nam năm 2019: Thực trạng, rủi ro và triển vọng cho năm 2020

Phạm Sỹ An^(*)

Tóm tắt: Năm 2019, nền kinh tế Việt Nam đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, trong năm 2020, nền kinh tế Việt Nam sẽ phải đương đầu với không ít thách thức, từ cả bên trong và bên ngoài. Bên cạnh đó, dịch bệnh Covid-19 bùng phát cũng đang gây ảnh hưởng tiêu cực cho nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra cho năm 2020, ngoài việc giải quyết các vấn đề nội tại của nền kinh tế, Chính phủ cần thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm củng cố nền kinh tế vĩ mô, tăng cường sức đề kháng và sức chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc khó đoán định, khó lường từ bên ngoài.

Từ khóa: Tăng trưởng kinh tế, Rủi ro, Ổn định vĩ mô

Abstract: In 2019, Vietnam's economy achieved many positive results. However, in 2020, Vietnam's economy will have to face several both internal and external challenges. In addition, the outbreak of Covid-19 is causing negative effects on the world and Vietnam's economy. In order to achieve the socio-economic development targets for 2020, the Government, in parallel with resolving internal economic issues, needs to implement synchronous solutions to strengthen the macro economy, enhance the economy's resistance and resilience to unpredictable external shocks.

Keywords: Economic Growth, Risk, Macroeconomic Stability

1. Mở đầu

Năm 2019, tăng trưởng tổng sản lượng của nền kinh tế Việt Nam cao hơn so với khoảng mục tiêu đề ra, cũng như tỷ lệ lạm phát được kiểm soát đã góp phần củng cố ổn định vĩ mô của nền kinh tế. Cán cân thương mại và cán cân ngân sách trong trạng thái thặng dư, cũng đóng góp lớn vào

giảm nợ công, nợ nước ngoài, tăng dự trữ ngoại hối, ổn định thị trường ngoại tệ và tỷ giá hối đoái.

Năm 2020 là năm cuối cùng thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020* và *kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2016-2020*, vì thế những kết quả đạt được trong năm 2019 sẽ góp phần vào thành công của quá trình thực hiện chiến lược và kế hoạch này. Tuy nhiên, năm 2020 nền kinh tế Việt Nam có thể phải đối diện với nhiều thách thức, cả bên trong và bên ngoài, ảnh

^(*) TS., Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: phamsian@gmail.com

hưởng đến các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội được đặt ra từ đầu năm.

Bài viết nêu lên một số thành tích nổi bật của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2019, phân tích các rủi ro bên ngoài có thể tác động tiêu cực đến nền kinh tế nước ta, chỉ ra các vấn đề và rủi ro bên trong nền kinh tế, đưa ra một số phân tích về triển vọng; từ đó gợi mở các giải pháp cho các nhà hoạch định chính sách.

2. Một số thành tích nổi bật của nền kinh tế Việt Nam năm 2019

Năm 2019, 12/12 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đều đạt hoặc vượt mục tiêu đề ra. Tăng trưởng của nền kinh tế đạt 7,02%, cao hơn so với mục tiêu đề ra từ đầu năm là 6,6-6,8%.

Tỷ lệ lạm phát năm 2019 đạt 2,79%, nằm trong mục tiêu đề ra cho cả năm. Đây là năm thứ năm liên tiếp tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng thấp hơn 4%, góp phần củng cố nền tảng cho tăng trưởng nhanh và bền vững của nền kinh tế. Bên cạnh đó, tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 8,1%, cao hơn so với mục tiêu đề ra trong năm 2019 là 7-8%. Mặc dù đặt ra mục tiêu về tỷ lệ nhập siêu nhưng trong năm 2019, cán cân thương mại của nền kinh tế tiếp tục thặng dư, ước đạt 9,9 tỷ USD. Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội nằm trong mục tiêu của Chính phủ đề ra, đạt 33,9%. Và như kết quả của tốc độ tăng trưởng cao, nền kinh tế ổn định, tỷ lệ thất nghiệp (thành thị) chỉ đạt 2,93% - thấp dưới mục tiêu 4% Quốc hội đề ra.

Có thể nói, năm 2019 là một năm thành công của nền kinh tế Việt Nam khi tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát, cán cân thương mại, cán cân ngân sách, tỷ lệ thất nghiệp đều đạt hoặc vượt mục tiêu đề ra từ đầu năm. Kết quả này cho thấy, Chính phủ đã liên tục nỗ lực điều hành nền kinh tế theo hướng cải thiện môi trường kinh

doanh, cắt giảm thủ tục hành chính; củng cố nền tảng cho tăng trưởng kinh tế như duy trì tỷ lệ lạm phát ở mức thấp, giảm bội chi ngân sách, giảm nợ công...

3. Rủi ro bên ngoài có thể tác động đến nền kinh tế Việt Nam

a) Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung

Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung khởi đầu từ đầu năm 2018 khi tổng thống Mỹ Donald Trump tuyên bố áp dụng mức thuế 50 tỷ USD đối với hàng hóa Trung Quốc, và kéo dài cho đến hết năm 2019. Điều này đã ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động thương mại và tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

Nền kinh tế Việt Nam nhập khẩu lớn nhất từ Trung Quốc và xuất khẩu lớn nhất sang Hoa Kỳ. Chẳng hạn, năm 2019, Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 75,3 tỷ USD, cao hơn nhiều so với thị trường đứng thứ hai là Hàn Quốc (47,3 tỷ USD), tiếp đến là các nền kinh tế ASEAN, Nhật Bản, Liên minh châu Âu (EU); Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ đạt 60,7 tỷ USD, cao hơn nhiều so với thị trường đứng thứ hai là EU (41,7 tỷ USD), Trung Quốc (41,5 tỷ USD) và các nền kinh tế khác lần lượt là ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc (Tổng cục Thống kê, 2019).

Nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung theo các kênh truyền dẫn như sau:

Thứ nhất, cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Trung Quốc, làm cho hoạt động sản xuất và tăng trưởng của quốc gia này suy giảm. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2019 của Trung Quốc chỉ đạt 6,1%, thấp hơn 6,6% năm 2018. Trong khi Trung Quốc vốn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam,

tăng trưởng kinh tế suy giảm đồng nghĩa với giảm nhu cầu nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam. Trong nhóm thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam, tăng trưởng nhập khẩu của Trung Quốc từ Việt Nam chỉ tăng 0,2% (Tổng cục Thống kê, 2019). Bên cạnh đó, xuất khẩu từ Trung Quốc sang Mỹ cũng bị ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc chiến tranh thương mại này, những mặt hàng Trung Quốc nhập từ Việt Nam làm đầu vào cho sản xuất hàng hóa xuất sang Mỹ cũng bị suy giảm.

Thứ hai, hàng hóa của Trung Quốc bị áp thuế cao sẽ để lại khoảng trống trên thị trường Mỹ và điều này cũng sẽ tạo cơ hội cho các nhà sản xuất Việt Nam. Trên thực tế, trong năm 2019, Hoa Kỳ không chỉ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam mà còn là thị trường có tốc độ xuất khẩu lớn nhất. Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Hoa Kỳ năm 2019 đạt 27,8%, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang các thị trường xuất khẩu chủ chốt khác của Việt Nam. Chẳng hạn, xuất khẩu sang thị trường lớn thứ 2 là EU giảm (-0,7%), sang Trung Quốc tăng không đáng kể (0,2%), ASEAN tăng 1,9%, Nhật Bản tăng 7,7% và Hàn Quốc tăng 8,3% (Tổng cục Thống kê, 2019).

Thứ ba, Việt Nam vốn là quốc gia nhập khẩu lớn từ Trung Quốc và xuất khẩu mạnh sang Hoa Kỳ, do đó đây cũng là lý do khiến Mỹ nghi ngờ Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc để dán nhãn hàng hóa tái xuất sang Mỹ. Điển hình là, cuối năm 2019, Bộ Thương mại Mỹ đã áp thuế tới 456,23% đối với các sản phẩm thép cán nguội và chống ăn mòn của Việt Nam có sử dụng nguyên liệu nhập khẩu từ Hàn Quốc và Đài Loan (Trung Quốc) (Theo: Kim Thoa, 2019). Mặc dù ngành thép của Việt Nam

không bị ảnh hưởng lớn từ việc áp thuế quan cao của Mỹ nhưng có thể nói đây là dấu hiệu cảnh báo Việt Nam cần cẩn trọng hơn trong việc kiểm tra, giám sát hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài để làm đầu vào cho hoạt động sản xuất hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy có một số vụ việc được phát hiện có dán nhãn hàng hóa các sản phẩm nước ngoài để xuất khẩu sang Mỹ nhằm tránh hàng rào thuế quan cao của Hoa Kỳ.

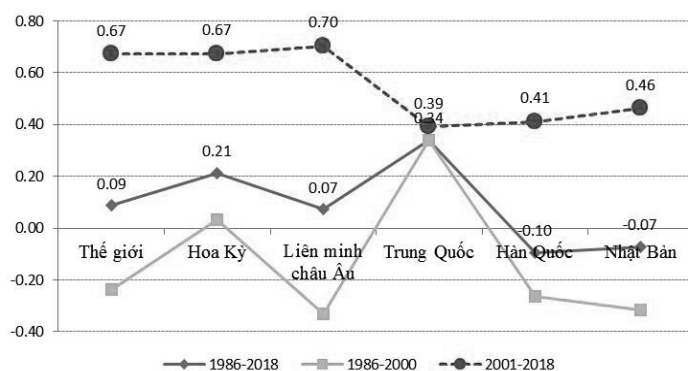
Nhìn chung, rủi ro từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đến nền kinh tế Việt Nam là tương đối lớn. Chính phủ Việt Nam đã đưa ra nhiều biện pháp nhằm hạn chế tác động tiêu cực từ cuộc chiến tranh thương mại này, như: giám sát chặt chẽ và có các chế tài đủ mạnh để hạn chế các doanh nghiệp nhập hàng hóa từ Trung Quốc và dán nhãn hàng hóa để xuất sang Mỹ; đồng thời bày tỏ thiện chí của Việt Nam đối với Mỹ trong việc kiểm soát hàng hóa gian lận thương mại, thậm chí mời Mỹ cùng tham gia kiểm tra việc dán nhãn hàng hóa, chống gian lận xuất xứ thương mại.

b) Nền kinh tế Việt Nam phụ thuộc ngày một lớn vào nền kinh tế thế giới

Năm 2019, nền kinh tế thế giới đứng trước nhiều bất ổn bởi cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, xung đột giữa Mỹ - Iran, căng thẳng Mỹ - CHDCND Triều Tiên, Hàn Quốc - Nhật Bản, biểu tình tại Hồng Kông (Trung Quốc). Những diễn biến phức tạp này có thời điểm bị đẩy lên đỉnh điểm. Có thể nói, sự bất ổn, khó đoán định và khó lường của nền kinh tế thế giới là nhân tố gây rủi ro cho nền kinh tế toàn cầu, và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ khi nền kinh tế trong nước ngày một phụ thuộc vào nền kinh tế thế giới.

Chúng tôi xem xét hệ số tương quan tăng trưởng kinh tế giữa Việt Nam với một số

Đồ thị 1. Hệ số tương quan tăng trưởng kinh tế giữa Việt Nam và các nước, khu vực



Nguồn: Số liệu do tác giả khai thác và tính toán từ Ngân hàng dữ liệu trên trang web của Ngân hàng Thế giới, <https://databank.worldbank.org/source/world-development-indicators>

nước/khu vực dựa vào mối quan hệ thương mại với nền kinh tế nước ta trong giai đoạn 1986-2018. Đồ thị 1 cho thấy, đường ở giữa thể hiện hệ số tương quan tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam với các nước/khu vực giai đoạn 1986-2018. Đường nằm dưới là hệ số tương quan cho giai đoạn 1986-2000. Có thể thấy, giai đoạn 1986-2000, tương quan tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam với các nước/khu vực ở mức thấp, điều này có nghĩa là nền kinh tế nước ta ít bị ảnh hưởng khi nền kinh tế thế giới và các nước lớn khác biến động. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2001-2018, hệ số tương quan trong tăng trưởng kinh tế giữa Việt Nam và các nước/khu vực tăng lên đáng kể. Nếu như trong giai đoạn 1986-2018 hệ số tương quan tăng trưởng kinh tế giữa Việt Nam và thế giới là 0,09 thì giai đoạn 2001-2018, hệ số tương quan là 0,67. Lý giải cho điều này là khi nền kinh tế thế giới tăng trưởng cao, tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam cũng tăng cao và ngược lại.

Hệ số tương quan tăng trưởng kinh tế giữa Việt Nam với các nước/khu vực trong giai đoạn 2001-2018 đều tăng so với giai đoạn 1986-2000. Tuy nhiên, hệ số tương quan tăng trưởng kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc hầu như không có sự thay đổi

qua hai giai đoạn. Điểm đáng chú ý là, nếu các nền kinh tế như Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản hay Hàn Quốc đứng độc lập thì khi một nền kinh tế nào đó gặp cú sốc sẽ không ảnh hưởng đến nền kinh tế khác và tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam sẽ giảm thiểu. Nhưng nếu các nền kinh tế lớn liên thông với nhau hay có mối tương quan phụ thuộc chặt chẽ với nhau thì khi nền kinh tế một nước gặp cú sốc tiêu cực, các nền kinh tế khác

cũng chịu tác động tương tự và nền kinh tế Việt Nam sẽ chịu tác động bất lợi. Như vậy, trong bối cảnh mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, nền kinh tế Việt Nam ngày một phụ thuộc hơn vào nền kinh tế thế giới và nhiều nước, khu vực khác nhau, điều này cũng làm đa dạng hóa rủi ro đối với nước ta.

Hoa Kỳ và Trung Quốc là hai nền kinh tế lớn nhất, nhì thế giới. Cuộc chiến tranh thương mại giữa hai nước không chỉ ảnh hưởng đến nền kinh tế của Hoa Kỳ và Trung Quốc mà còn ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu. Do đó, nền kinh tế Việt Nam cũng không thể tránh khỏi. Nếu mối quan hệ giữa hai nước được cải thiện (tín hiệu tích cực là thỏa thuận thương mại giai đoạn 1 đã được ký kết), nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam có thể sẽ được hưởng lợi.

4. Rủi ro tiềm ẩn bên trong nền kinh tế Việt Nam

a) Giải ngân đầu tư công ở mức thấp

Năm 2019, tốc độ giải ngân đầu tư công của Việt Nam ở mức thấp. Theo số liệu tính đến 9 tháng đầu năm 2019, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công chỉ bằng 45,17% so với kế hoạch Quốc hội giao và bằng 49,14%

so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn cùng kỳ so với năm 2018 cho dù giải ngân của năm 2018 cũng ở mức thấp. Việc giải ngân cả vốn trái phiếu chính phủ và ODA đều thấp. Nhiều địa phương, bộ ban ngành có tỷ lệ giải ngân thấp, dưới mức bình quân chung. Có 31 bộ, cơ quan trung ương và 19 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới 50%; trong đó, 17 bộ, cơ quan trung ương và 1 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới 30% (Thúy Quyên, 2019).

Bảng 1. Tốc độ phát triển vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện giai đoạn 2016-2019, giá hiện hành

Đơn vị: %

Năm	Tổng số	Khu vực nhà nước	Khu vực ngoài nhà nước	Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
2016	8,9	7,3	9,5	10,4
2017	12,3	6,9	17,1	12,8
2018	11,2	3,8	18,5	9,8
2019	10,2	2,6	17,3	7,9

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2019.

Bảng 1 thể hiện tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư toàn xã hội cho giai đoạn 4 năm gần đây (2016-2019). Mặc dù vốn đầu tư toàn xã hội tăng và vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng ở mức khá nhưng tăng trưởng vốn đầu tư khu vực nhà nước có sự suy giảm mạnh: năm 2016 đạt 7,3%, giảm xuống còn 6,9% năm 2017 và giảm mạnh xuống chỉ còn 3,8% năm 2018 và 2,6% năm 2019. Như vậy, trong 2 năm (2018-2019), vốn đầu tư khu vực nhà nước có tốc độ tăng trưởng thấp.

Mặc dù việc giải ngân đầu tư công thấp có thể bù đắp bằng việc tăng trưởng vốn đầu tư của khu vực ngoài nhà nước trong ngắn hạn, nhưng trong dài hạn, tỷ lệ giải ngân

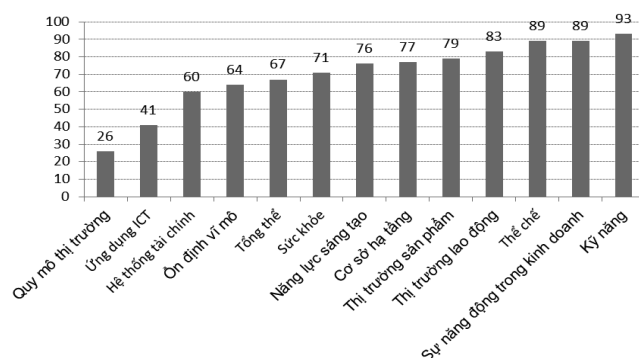
thấp sẽ tạo ra những rủi ro cho tăng trưởng nhanh và bền vững của nền kinh tế vì các dự án có tác động lan tỏa lớn sẽ dừng lại và các dự án, nhất là các dự án cơ sở hạ tầng thu hút dòng vốn tư nhân sẽ chậm triển khai.

b) Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế được cải thiện nhưng các chỉ số thành phần quan trọng lại ở mức thấp

Theo xếp hạng của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam được cải thiện mạnh, tăng 10 bậc so với năm 2018 và hiện đang đứng ở vị trí thứ 67. Theo báo cáo của WEF, Việt Nam là quốc gia có điểm số cải thiện lớn nhất trên phạm vi toàn cầu. Trong số các chỉ số thành phần, quy mô thị trường đứng vị trí cao nhất, xếp hạng thứ 26; tiếp đến là ứng dụng công nghệ thông tin xếp hạng thứ 41; hệ thống tài chính xếp hạng thứ 60 và ổn định kinh tế vĩ mô đứng ở vị trí thứ 64. Tuy nhiên, vẫn còn một số chỉ số thành phần đứng ở vị trí thấp như kỹ năng (vị trí 93), thể chế và sự năng động trong kinh doanh (vị trí 89), thị trường lao động đứng ở vị trí thứ 83 (Schwab, 2019).

Đồ thị 2 cho thấy xếp hạng của các thành phần trụ cột trong chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam. Mặc dù

Đồ thị 2. Xếp hạng năng lực cạnh nền kinh tế Việt Nam năm 2019



Nguồn: Schwab (2019).

năng lực cạnh tranh được cải thiện nhưng các chỉ số thành phần quan trọng phản ánh tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế Việt Nam như năng lực sáng tạo, cơ sở hạ tầng, thể chế, kỹ năng người lao động lại đứng ở nửa cuối của bảng xếp hạng. Ba nút thắt của nền kinh tế, đó là cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực chất lượng cao và thể chế đều đứng ở nửa cuối bảng xếp hạng cho thấy rào cản cho tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam vẫn chưa được tháo bỏ.

5. Triển vọng và một số đánh giá

Năm 2020 là năm quan trọng đối với nền kinh tế của Việt Nam. Phân tích trên cho thấy, nền kinh tế Việt Nam tuy đạt được nhiều kết quả tích cực trong năm 2019 nhưng vẫn còn nhiều rủi ro, thách thức tiềm ẩn cần được định rõ, qua đó có thể gợi mở được các giải pháp.

Thứ nhất đối với cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung: Vừa qua, Mỹ và Trung Quốc đã ký thỏa thuận thương mại giai đoạn 1, mặc dù thỏa thuận thương mại này chưa thể giải quyết triệt để những bất đồng trong quan hệ thương mại giữa hai nước nhưng được kỳ vọng sẽ làm cho nền kinh tế thế giới biến chuyển theo chiều hướng tích cực, vì thế sẽ tác động tích cực đến nền kinh tế Việt Nam.

Thứ hai, mặc dù cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tạm thời lắng xuống khi hai nước ký kết thỏa thuận thương mại giai đoạn 1 nhưng không vì thế mà rủi ro cho nền kinh tế thế giới bớt dấy sóng. Căng thẳng trong quan hệ giữa Iran và Mỹ, cùng với các nước phương Tây đang lên tới đỉnh điểm, khi Mỹ thực hiện ám sát Tướng Qasem Soleimani của Iran, và Iran đã phản ứng lại bằng việc bắn tên lửa vào căn cứ quân sự của Mỹ tại Iraq. Có thể nói, căng thẳng giữa Iran và Mỹ, các nước phương Tây tiềm ẩn rất nhiều rủi ro cho tăng trưởng

và ổn định kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng.

Thứ ba, Chính phủ đã chỉ ra những yếu tố làm cản trở việc giải ngân đầu tư công. Đây là thách thức không nhỏ đối với mục tiêu tăng tốc độ giải ngân đầu tư công và tăng trưởng của nền kinh tế trong năm 2020.

Thứ tư, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) được ký kết vào giữa năm 2019 và được Nghị viện châu Âu chính thức thông qua vào đầu năm 2020 mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam thâm nhập vào thị trường châu Âu. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam đang đối mặt thách thức phải nâng cao trình độ công nghệ, quy trình quản lý để đảm bảo sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường này. Bên cạnh đó, thách thức khi thực hiện Hiệp định EVFTA cũng không nhỏ khi mà các cam kết trong Hiệp định được đánh giá vừa rộng vừa cao, bao quát nhiều khía cạnh doanh nghiệp nhà nước, mua sắm chính phủ, dịch vụ - đầu tư, sở hữu trí tuệ, thương mại và phát triển bền vững, cam kết về quy tắc xuất xứ...

Thứ năm, dịch cúm Covid-19 bùng phát vào đầu năm 2020 đã, đang và sẽ có tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng (Xem thêm: Bích Trâm, 2020). Đối với Việt Nam, nhiều ngành, lĩnh vực đã bị tác động nặng nề. Chẳng hạn, về mặt trực quan, ngành du lịch chịu ảnh hưởng lớn do lượng khách đến từ các quốc gia (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản...) giảm hoặc tăng chậm. Theo ước tính, ngành du lịch thiệt hại khoảng 7 tỷ USD (Hoài Thu, Hoàng Thùy, Viêt Tuấn, 2020). Lĩnh vực nông nghiệp cũng ít nhiều bị tác động tiêu cực khi mà xuất khẩu nông sản sang thị trường quan trọng của nước ta là Trung Quốc gặp nhiều rào cản, khó khăn (Xem: Nguyễn Hạnh, 2020). Lĩnh vực công nghiệp cũng chịu ảnh hưởng lớn khi đầu

vào cho sản xuất nhập khẩu từ Trung Quốc không được dễ dàng như trước thời điểm có dịch Covid-19, lao động nước ngoài đến từ các nước có dịch như Trung Quốc, Hàn Quốc cũng bị hạn chế. Nhìn chung, triển vọng của nền kinh tế Việt Nam sẽ không theo chiều hướng tích cực. Việc đạt mức tăng trưởng 6,8% như mục tiêu đề ra sẽ là một thách thức vô cùng lớn trong công tác điều hành chính sách của Chính phủ.

Một số tổ chức, nhà khoa học đã đưa ra các kịch bản đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đến nền kinh tế Việt Nam. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nếu dịch bệnh được kiểm soát trong quý I/2020, tăng trưởng kinh tế cả năm sẽ đạt 6,27%, thấp hơn so với mục tiêu đề ra. Nhưng nếu dịch bệnh kéo dài và chỉ có thể kiểm soát trong quý II/2020, tăng trưởng kinh tế sẽ ở mức thấp hơn nữa, chỉ đạt 6,09% (Xem: Ngọc Vy, 2020).

Nhóm nghiên cứu của Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV cũng đưa ra 3 kịch bản đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến nền kinh tế Việt Nam. *Theo kịch bản cơ sở*, “GDP năm 2020 Việt Nam giảm khoảng 0,83 điểm %, trong đó, GDP quý I giảm 1,23 điểm % và GDP quý II giảm 0,71 điểm %”. *Theo kịch bản tích cực*, “dịch bệnh được kiểm soát chặt chẽ, không lây lan rộng, các biện pháp quyết liệt ngăn chặn dịch bệnh (như đóng cửa khẩu, hạn chế du lịch, thương mại,...) sớm được gỡ bỏ và các hoạt động trở lại bình thường từ đầu quý II/2020”, tăng trưởng kinh tế quý I/2020 có thể giảm khoảng 1,22 điểm%, quý II giảm 0,39 điểm % và cả năm giảm 0,32 điểm %. Và với *kịch bản tiêu cực* - kịch bản này rất khó xảy ra nhất, thì “dịch bệnh bùng phát, lây lan mạnh thành đại dịch toàn cầu cũng như tại Việt Nam, các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh không có hiệu quả, dẫn

đến hệ lụy rất xấu, thậm chí làm kiệt quệ ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ nước ta”, khi đó tăng trưởng kinh tế quý I sẽ giảm 1,24 điểm phần trăm, quý II giảm 1,46 điểm phần trăm và tăng trưởng kinh tế năm 2020 giảm mạnh, giảm 2,71 điểm phần trăm (Dẫn theo: Thanh Thanh, 2020).

6. Kết luận

Nói chung, năm 2020 nền kinh tế Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là cú sốc do dịch Covid-19 bùng phát tại Trung Quốc vào cuối năm 2019 và hiện đang lan rộng trên toàn thế giới. Nền kinh tế thế giới khó có thể dự báo trước được những biến động, do đó cách thức tốt nhất để ổn định nền kinh tế nước ta là củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô, tăng cường sức kháng cự và sức chống chịu của nền kinh tế qua việc duy trì tỷ lệ lạm phát ở mức thấp, cải thiện môi trường kinh doanh, tăng dự trữ ngoại hối. Bên cạnh đó, việc thực hiện các giải pháp tiền tệ - tài khóa đồng bộ, đúng liều lượng, đúng địa chỉ để giảm thiểu tác động tiêu cực từ cú sốc dịch bệnh Covid-19 lên nền kinh tế là rất cần thiết □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hạnh (2020), *Xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc gặp khó khăn trước tâm dịch Corona*, <https://congthuong.vn/xuat-khau-nong-san-sang-trung-quoc-gap-kho-truoc-tam-dich-corona-131990.html>, truy cập ngày 10/3/2020.
2. Thúy Quyên (2019), *Hội nghị trực tuyến toàn quốc về thúc đẩy phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2019*, <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=44199&idcm=188>, truy cập ngày 15/3/2020.

(xem tiếp trang 38)